

## BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 4 tháng 12 năm 2025) <sup>(2)</sup>

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **BÙI VĂN THIỆP**

Ngày tháng năm sinh: 12/11/1971

- Nghề nghiệp: Giáo viên

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Trường Tiểu học Hợp Thành - Phường Lê Ích Mộc - Hải Phòng

- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hợp Thành 4 - Phường Lê Ích Mộc - TP Hải Phòng.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031071007521, ngày cấp 10/5/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên **BÙI THỊ XOA**

Ngày tháng năm sinh: 14/9/1975

- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Chính Mỹ

- Nơi thường trú: Tổ dân phố Hợp Thành 4 - Phường Lê Ích Mộc - TP Hải Phòng.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân <sup>(3)</sup>: 031175012567

ngày cấp 10/8/2021, nơi cấp : Cục trưởng cục Cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai :

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

..... ngày cấp..... nơi cấp .....

### II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN <sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất <sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở <sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ <sup>(8)</sup>: Tổ dân phố Thiên Hương 2 - Phường Thiên Hương - TP Hải Phòng.

- Diện tích <sup>(9)</sup>: 99,5m<sup>2</sup>

- Giá trị <sup>(10)</sup>: khoảng 2 000 000 000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng <sup>(11)</sup>: .....

- Thông tin khác (nếu có) <sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất: **Không**

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: **Không**

1.2.1. Thửa thứ nhất : **Không**

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.: **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng: **Không**

2.1. Nhà ở: **Không**

2.1.1. Nhà thứ nhất: **Không**

- Địa chỉ: .....

- Loại nhà <sup>(14)</sup>: .....

- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>: .....

- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất: **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: **Không**

2.2.1. Công trình thứ nhất: **Không**

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: **Không**

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: **Không**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup> : **Không**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất.: **Không**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>. **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: 1 100 000 000 đ

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: **Không**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: **Không**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: **Không**

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản: Ô tô      Số đăng ký: 15A-61018      Giá trị khoảng: 1 200 triệu

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: **Không**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài <sup>(26)</sup>: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài: **Không**

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 427 174 000đ/năm (tính đến ngày 4/12/2025)

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 564 585 447đ/năm (tính đến ngày 4/12/2025)

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: 0 đ/năm

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá		+ 250 000 000	Tiết kiệm từ thu nhập.

<p>trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		<p>991 759 447đ</p>	<p>- Thu nhập của người kê khai: 564 585 447đ</p> <p>- Thu nhập của chồng: 427 174 000đ</p>
---	--	---------------------	---

P. Lê Ích Mộc, ngày 5 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Bùi Thị Vin**

**Ký bởi: Bùi Thị Vin**  
**Thời gian ký: 10/02/2026 08:33:42**  
**Tổ chức xác thực: VNPT SmartCA**  
**RS**

P. Lê Ích Mộc, ngày 4 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Bùi Văn Thiệp**

**Ký bởi: Bùi Văn Thiệp**  
**Thời gian ký: 10/02/2026 08:27:53**  
**Tổ chức xác thực: VNPT SmartCA**  
**RS**